**TOÁN - TIẾT 123**

**Bài 57. MI-LI-MÉT VUÔNG**

**Thứ Tư ngày 05 tháng 3 năm 2025**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:** Sau bài học, HS có khả năng:

- HS nhận biết độ lớn 1 mm2 (diện tích hình vuông có cạnh dài 1 mm); nhận biết tên gọi, kí hiệu, quan hệ giữa mi-li-mét vuông và xăng-ti-mét vuông, viết các số đo theo đơn vị mi-li-mét vuông; thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong trường hợp đơn giản, thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo diện tích mi-li-mét vuông, xăng-ti-mét vuông.

- Vận dụng giải quyết các vấn đề đơn giản liên quan đến đơn vị đo diện tích, biểu đồ cột

- HS có cơ hội để phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất trách nhiệm, yêu nước.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia hoạt động nhóm.

- Phẩm chất trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong học tập, mạnh dạn nói lên ý kiến của mình;

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Giấy kẻ ô vuông, mỗi cạnh 10 ô vuông dùng cho nội dung bài học, hình ảnh bài Thực hành 3, bài Luyện tập 1 và bài Khám phá ( nếu cần).

-HS: Giấy kẻ ô vuông, cạnh mỗi ô vuông dài 1mm dùng cho mục Giới thiệu

mi-li-mét vuông (GV chuẩn bị).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tg** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5p**  12p  15p  5p | **1. Mở đầu:**  **a. Mục tiêu:**  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Giúp học sinh củng cố đơn vị đo diện tích đã học  **b. Phương pháp, hình thức tổ chức**: cả lớp  - GV tổ chức trò chơi **“Đố bạn?”**  GV: Kể tên các đơn vị đo diện tích đã học.  GV: 1 cm2 là diện tích của hình vuông có cạnh dài bao nhiêu?  GV: Trên bàn tay bạn, cái gì có diện tích khoảng 1 cm2?  GV: Diện tích móng ngón út?  GV: Khi đó ta phải dùng đơn vị diện tích bé hơn.  🡪 Giới thiệu bài.  - GV dẫn dắt vào bài mới  **2. Khám phá, hình thành kiến thức mới: Mi-li-mét vuông**  **a.Mục tiêu:**  - HS nhận biết độ lớn 1 mm2 (diện tích hình vuông có cạnh dài 1 mm); nhận biết tên gọi, kí hiệu, quan hệ giữa mi-li-mét vuông và xăng-ti-mét vuông, viết các số đo theo đơn vị mi-li-mét vuông  **b. Phương pháp, hình thức tổ chức**: cá nhân, nhóm, cả lớp  **1. Giới thiệu mi-li-mét vuông**.  - HS (nhóm đôi) quan sát hình ảnh bên trái ( SGK).  Hình vuông bé xíu, màu vàng có canh dài bao nhiêu? (1 mm)  - Diện tích hình vuông này là một mi-li-mét vuông.  + Mi-li-mét vuông là đơn vị đo đại lượng nào?  (*Mi-li-mét vuông là đơn vị đo diện tích 🡪* GV viết bảng).  + GV giới thiệu cách viết tắt mi-li-mét vuông.  GV viết: cm  GV viết: cm2  GV viết: mm  GV viết: mm2  🡪 GV viết bảng: Mi-li-mét vuông viết tắt là mm2.  + 1 mm2 là diện tích hình vuông có cạnh dài bao nhiêu?  🡪 GV viết bảng: 1 mm2 là diện tích hình vuông có cạnh dài 1mm.  - Nhận biết độ lớn của mm2, thực hành đọc, viết mi-li-mét vuông.  + Viết theo mẫu rồi đọc  GV lưu ý HS: số và kí hiệu cách nhau một chút (khoảng nửa thân con chữ o)  + Những vật nào có diện tích khoảng 1 mm2? (Dấu chấm đậm ở đầu, dòng trên, lỗ gài trên dây đồng hồ, hạt mè, nốt ruồi,...).  **2. Quan hệ giữa mi-li-mét vuông với xăng-ti-mét vuông**  **-** HS (nhóm bốn) thảo luận, nhận biết quan hệ giữa mi-li-mét vuông với xăng-ti-mét vuông.  - HS quan sát hình ảnh ở SGK (GV giải thích hình bên trái phóng lớn được hình bên phải),  - HS thảo luận tình cách làm  - Một vài nhóm trình bày.  - Cả lớp đếm theo tay chỉ của GV.  + Hàng đầu đếm theo ô 1 mm2: 1,2,3,...,10 mm2.  + Đếm các hàng theo 10 mm2: 10,20,30,...,100 mm2.  🡪 1 cm2 = 100 mm2 100 mm2 = 1 cm2 (GV viết bảng, HS lặp lại nhiều lần)  **3. Thực hành- luyện tập**  **Hoạt động 1: Thực hành**  **a. Mục tiêu:**  - Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo diện tích mi-li-mét vuông, xăng-ti-mét vuông.  **b. Phương pháp, hình thức tổ chức**: Cá nhân, cặp đôi  **Bài 1:**  - HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài; nhận biết  + Yêu cầu của bài: Số?  + Tìm thế nào? (chuyển đổi đơn vị đo)  - Hỏi nhanh đáp gọn ôn lại cách chuyển đổi đơn vị (coi trăm là đơn vị đếm hoặc thực hiện nhân nhẩm với 100, chia nhẩm cho 100).  + Một xăng-ti-mét vuông bằng bao nhiêu mi-li-mét vuông?  - Năm xăng-ti-mét vuông?  - Mười bảy xăng-ti-mét vuông?  - Tám trăm mi-li-mét vuông bằng bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?  - Gọi 1 số cá nhân trình bày.  - Sửa bài, GV cũng có thể cho HS chơi tiếp sức (hoặc truyền điện) để sửa bài (tạo điều kiện cho nhiều HS điền/ nói)  GV sửa cặn kẽ câu c)  Ví dụ: 3 cm2 5 mm2 = ...mm2  3 cm2 = 300 mm2  300 mm2 + 5 mm2 = 305 mm2  3 cm2 5 mm2 = 305 mm2  **Bài 2:** - HS đọc đề bài, nhận biết được vấn đề cần giải quyết: Thực hiện các phép tính với số đo diện tích.  a) Thực hiện phép tính cộng, trừ và chia với các số đo cùng đại lượng.  b) Thực hiện phép tính cộng với các số đo khác đại lượng.  - HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm.  - Sửa bài, GV khuyến khích các nhóm HS sửa bài trên bảng lớp (1 nhóm / bài toán) có giải thích cách làm 🡪 Cả lớp nhận xét 🡪 GV giúp HS kiểm tra lại kết quả tính.  Ví dụ: a) 28 mm2 + 15 mm2 = 43 mm2  🡪 Em đặt tính như phép cộng các số tự nhiên, rồi điền kết quả vào bà toán ( hoặc em cộng nhẩm,...).  b) Đổi: 3 cm2 = 300 mm2  3 cm2 +15 mm2  = 300 mm2 + 15 mm2  = 315 mm2  Lưu ý: HS có thể giải thích bằng nhiều cách, nếu phù hợp thì công nhận.  **Hoạt động 2: Luyện tập 8’**  **a. Mục tiêu:**  Thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong trường hợp đơn giản, thực  **b. Phương pháp, hình thức tổ chức**:cá nhân, nhóm.  Bài 3: - HS (nhóm bốn) quan sát hình ảnh trong SGK, so sánh diện tích hai hình 🡪 Vài nhóm nêu nhận xét 🡪 GV ghi nhận vào góc bảng  Lưu ý: Khi so sánh diện tích hai hình, HS có thể sử dụng một trong các từ: “lớn hơn”, “bé hơn” hay “bằng”, không bắt buộc chỉ dùng một từ “ lớn hơn”.  🡪 Khi trình bày, HS chỉ cần thông báo cách làm  Ví dụ: a) Diện tích móng tay ngón trỏ khoảng 1 cm2 🡪 Đặt ngón trỏ lần lượt vào hình A và hình B để ước lượng  Hay: Dựa vào hình vuông màu xanh cạnh 1 cm (SGK), ta thấy hình A gồm... hình vuông như thế.  b) Đo các cạnh rồi tính diện tích hình chữ nhật A và hình vuông B.  - HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm.  - Sửa bài, khuyến khích HS kết hợp thao tác trên 2 mảnh giấy (GV chuẩn bị trước).  Ví dụ: a) Đặt đầu ngón tay trỏ vào hình để ước lượng: Diện tích hai hình bằng nhau, bằng khoảng 4 cm2.  b) Đo rồi tính.  + Hình chữ nhật A có chiều dài đo được là 4 cm và chiều rộng đo được là 1 cm  4 x 1 = 4  Diện tích hình chữ nhật A là 4 cm2.  + Hình vuông B có cạnh đo được là 2 cm.  2 x 2 = 4  Diện tích hình vuông B là 4 cm2.  🡪 Hai hình có diện tích bằng nhau (hoặc: không hình nào có diện tích lớn hơn).  - GV giúp HS nhận xét:  + So sánh kết quả tính diện tích hai hình với kết quả ước lượng 🡪 bằng nhau, không chênh lệch.  + So với nhận xét ban đầu của các nhóm.  Lưu ý: Chỉ nên yêu cầu HS ước lượng diện tích theo xăng-ti-mét vuông rồi chuyển đổi đơn vị thành mi-li-mét vuông.  **3. Hoạt động tiếp nối**  **a. Mục tiêu:**HS ôn lại các kiên thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.  **b. Phương pháp, hình thức tổ chức**: cá nhân  - Cho HS đổi các đơn vị đo .  - Nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học  - Dặn Hs xem lại bài, chuẩn bị bài: mi-li-mét vuông ( tiết 2) | Hát  HS: Xăng-ti-mét vuông, đề-xi-mét vuông, mét vuông  HS: 1 cm  HS: Móng ngón trỏ.  HS: Bé hơn 1 cm2.  - Bảo gì,bảo gì?  - HS bước  - Bảo gì,bảo gì?  - HS về chỗ  HS lắng nghe  - HS *Mi-li-mét vuông là đơn vị đo diện tích*  Hs trình bày  🡪 HS đọc: xăng-ti-mét.  🡪 HS đọc: xăng-ti-mét vuông.  🡪 HS đọc: mi-li-mét.  🡪 HS đọc: mi-li-mét vuông.  1 mm  HS nêu  HS nhận biết:  + Hình vuông màu xanh có cạnh 1 cm nên diện tích là 1 cm2.  + Hình vuông màu vàng có diện tích 1mm2.  - HS thảo luận tình cách làm  + Mỗi ô vuông nhỏ của hình vuông màu xanh có diện tích 1 mm2.  + Tìm xem hình vuông màu xanh gồm bao nhiêu ô vuông nhỏ.  🡪 Đếm hoặc tính (theo hàng, theo cột).  - Cả lớp đếm theo tay chỉ của GV.  HS nêu yêu cầu  - một trăm mi-li-mét vuông  - năm trăm mi-li-mét vuông  - mười bảy trăm mi-li-mét vuông) 🡪viết? (1 700 mm2)  - tám xăng-ti-mét vuông  HS tham gia  - HS (nhóm bốn) thảo luận tìm cách thức tính  🡪 Khi trình bày, HS chỉ cần thông báo cách làm.  Ví dụ: a) Thực hiện giống như khi thưc hiện các phép tính với các đại lượng độ dài, khối lượng, dung tích,...  b) Đổi các số đo sang cùng một đại lượng rồi tính như bình thường (ta chỉ thực hiện được các phép tính cộng, trừ các số đo khi chúng cùng đơn vị đo).  - HS đọc đề bài, nhận biết được vấn đề cần giải quyết:  a) ước lượng  b) đo và tính diện tích  Sau đó mới so sánh.  - HS (nhóm bốn) thảo luận tìm cách làm  - HS lắng nghe.  - HS tham gia đổi nhanh  - Hs lắng nghe và chuẩn bị tiết 2 |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………